

Bản án: 320/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31/5/2023

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Nam

Bà Trần Thị Ngọc Diệp

- *Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.*

- *Đại diện Viện kiểm sát n hân dân huyện Giồng Riềng : Không tham gia phiên tòa*

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 163/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2023 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 148/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa :

1.*Nguyên đơn*: Anh Lê Văn D, sinh năm: 1973; địa chỉ: ấp Thạnh V, xã P, huyện G, tỉnh K (có mặt).

2.*Bị đơn*: Chị Đinh Thị T, sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp Thạnh V, xã P, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/2/2023 nguyên đơn anh Lê Văn D trình bày: Anh và chị T trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý làm đám cưới vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau đã nhiều lần cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả nên sống ly thân từ tháng 6/2012 cho đến nay. Nay anh thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc , hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T; Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 25/2/1995, Lê Hoàng D, sinh ngày 13/01/1997, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 31/3/2023 chị Đinh Thị T trình bày: Chị và anh D trước khi chung sống với nhau có tìm hiểu nhau rồi được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1994, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự hòa giải được, nay anh D xin ly hôn chị đồng ý ly hôn. Về con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Lê Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn” giữa anh và chị T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Chị Đinh Thị T đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng, chị đã nộp bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của chị T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh D và chị T trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước, tổ chức đám cưới vào năm 1994. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh K vào ngày 21/10/2002 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, không quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai người đó sống. Sau khi phát sinh mâu thuẫn anh D và chị T đã cho nhau nhiều cơ hội sửa chữa và hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2012 cho đến nay. Chính quyền địa phương cũng tiến hành động viên hòa giải nhiều lần nhưng không thể đoàn tụ được. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh chị đã ở tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho anh Lê Văn D được ly hôn với chị Đinh Thị T.

{2.2} Về con chung: Anh, chị có 02 người con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 25/2/1995, Lê Hoàng D, sinh ngày 13/01/1997, các con đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

{2.4} Về tài sản chung, nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Lê Văn D phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp theo biên lai thu tiền số 7886 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh D đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Lê Văn D được ly hôn với chị Đinh Thị T.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành cho nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh Lê Văn D phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp theo biên lai thu tiền số 7886 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án d ân sự huyện Giồng Riềng . Anh D đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; anh D được tính kể từ tuyên án (31/5/2023); Chị T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án
- Đương sự
- UBND xã
- Lưu HS, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên